TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 42, 10 - 14/10/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Ngưỡng 1,000 điểm được giữ vững, sắc xanh trở lại với chứng khoán Việt Nam sau chuỗi tuần giảm điểm"

Thị trường chứng khoán toàn cầu có tuần giao dịch giằng co chờ đợi dữ liệu CPI của Mỹ, sẽ mở ra lộ trình cho việc tăng lãi suất sắp tới của FED. Tuy nhiên, mặc dù số liệu CPI gây thất vọng, phản ứng của thị trường có phần bất ngờ khi có phiên đảo chiều ấn tượng trên phố Wall. Cụ thể, tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Mỹ đã giảm xuống 8.2% trong tháng 9, nhưng cao hơn kỳ vọng của thị trường là 8.1%. Lạm phát lõi tăng 6.6% YoY, mức cao mới trong 40 năm. Kết tuần, chỉ số Dow Jones tăng nhẹ 1.15%, riêng S&P 500 giảm 1.55% và Nasdaq Composite cũng giảm 3.1%. Chứng khoán châu Âu theo sau đà tăng của phố Wall khi có tuần phục hồi nhẹ với Stoxx Euro 600 còn giảm 0.09%. Chứng khoán châu Á phân hóa khi Shang hai tăng mạnh 3.3%, còn Hang seng giảm mạnh 6.5%, sụt giảm từ mức tăng mạnh của tuần trước đó, riêng Nikkei hầu như giao dịch quanh tham chiếu.

Giá dầu thô suy yếu trong tuần về quanh mức 86 USD/thùng, sau khi các ca Covid-19 mới của Trung Quốc tăng đột biến và tồn kho dầu thô của Mỹ tăng cao hơn dự kiến làm gia tăng lo ngại về nhu cầu toàn cầu.

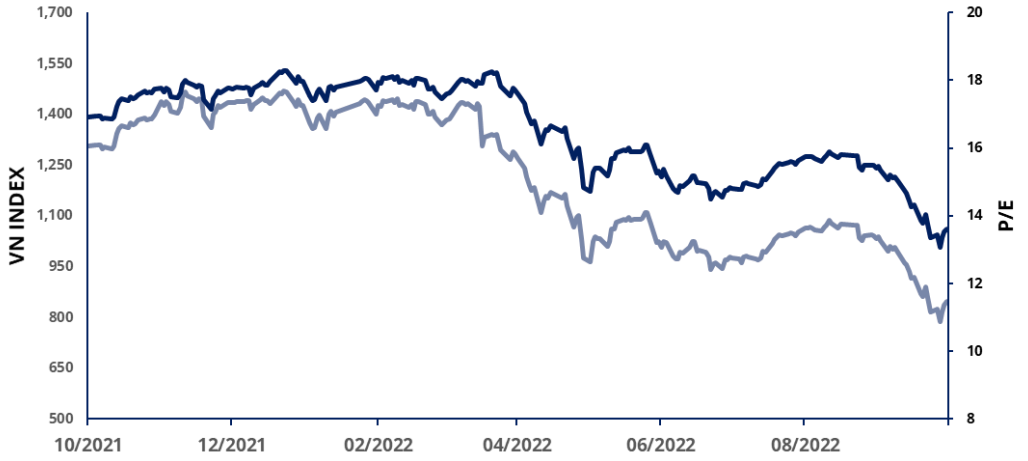
Thị trường chứng khoán Việt Nam có tuần phục hồi ấn tượng. VN-Index tăng 25.9 điểm (+2.5%) lên 1,062 điểm; HNX-Index cũng tăng 1.8 điểm (+0.8%) lên 228 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trở lại với hơn 2,600 tỷ, NĐT cá nhân trong nước cũng mua ròng trong khi tổ chức bán ròng. Đa số nhóm ngành đều lấy lại sắc xanh với đầu tàu là những blue chip như BID, GAS, HPG. Ở chiều ngược lại, VHM, NVL kìm hãm đà tăng của chỉ số. Bắt đầu xuất hiện các nhóm ngành tạo đáy trước thị trường như Nguyên vật liệu, Tiện ích, Dầu khí.

Tâm điểm tuần sau sẽ bị chi phối bởi các báo cáo thu nhập, bài phát biểu của một số quan chức Fed cùng với dữ liệu nhà ở tại Mỹ. Tại Trung Quốc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 20 sẽ diễn ra và các số liệu về kinh tế cũng được công bố. Ngoài ra, dữ liệu lạm phát cho Anh, Nhật Bản cũng được phát hành. Trong nước, sự tập trung hướng về đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 10.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số kiểm định thành công ngưỡng tâm lý 1,000 điểm trong tuần này. Sự bi quan dường như đã chạm mức cùng cực và dễ thúc đẩy lực cầu bắt đáy tham gia ngắn hạn. Các chỉ báo kĩ thuật cải thiện đáng kể, khi RSI đã thoát khỏi vùng quá bán ủng hộ thêm cho quán tính phục hồi. Nhiều khả năng các phiên tới sẽ có rung lắc để thị trường test lại gap giảm ngày 07/10. Kháng cự gần nhất cho nhịp hồi là khu vực 1,080 điểm, xa hơn là ngưỡng 1,120 điểm. NĐT có thể tích lũy vị thế ở nhịp điều chỉnh và hạn chế hưng phấn.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,062	2.5	-14.0	-11.1	-29.1		11.5	1.8	176
Upcom Index	80	0.2	-10.4	-8.2	-28.9		12.7	1.4	44
HNX Index	228	0.8	-16.5	-19.9	-51.9		13.6	1.3	11
VN30 Index	1,061	2.1	-15.3	-13.0	-30.9		9.2	1.7	122
S&P 500 Index	3,583	-1.2	-7.5	-7.3	-24.8		17.6	3.6	31,473
STOXX Europe 600 Index	391	-0.1	-4.1	-5.4	-19.8		13.6	1.6	10,512
Hang Seng	16,588	-6.5	-11.6	-18.3	-29.1		6.3	0.7	2,336
Nikkei 225	27,091	-0.1	-1.7	1.1	-5.9		27.1	1.6	3,170
SHCOMP Index	3,072	3.3	-1.7	-4.8	-15.6		13.5	1.4	5,998
STI Index	3,040	-3.4	-7.0	-1.9	-2.7		11.4	1.0	331
KOSPI Index	2,213	-0.0	-7.1	-5.1	-25.7		9.4	0.8	1,180

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.7	-14.1	-25.9	-6.5	-2.0	-13.4	70.6	2.7	11.4	1.8	3,620,033
Mid Cap	3.2	-17.2	-32.5	-17.8	-34.4	-40.7	27.9	-2.6	11.6	1.1	536,193
Small Cap	-0.7	-17.7	-43.7	-16.0	-32.5	-53.5	1.6	-0.1	13.1	0.7	73,553

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Nguyên vật liệu	10.7	-20.2	-40.7	-6.7	-7.7	-22.4	16.4	0.6	5.4	1.2	314,837
Tiện ích Cộng đồng	5.0	-7.5	10.5	-20.0	-40.1	-40.2	2.4	-0.3	13.7	2.1	325,395
Dầu khí	4.8	-13.7	-33.3	-9.0	-19.3	-13.1	2.2	0.0	60.4	2.1	53,992
Dịch vụ Tiêu dùng	4.8	-15.8	-19.9	-2.5	-17.8	-23.1	5.4	0.4	n.a	4.0	213,465
Ngân hàng	4.4	-16.0	-28.8	3.6	35.4	12.8	21.2	2.8	7.6	1.4	1,231,927
Hàng Tiêu dùng	1.7	-12.1	-19.9	-12.7	-25.7	-30.9	12.2	-0.4	15.0	2.4	564,655
Công nghiệp	1.7	-16.7	-25.9	-24.4	-40.6	-41.7	9.5	-1.8	12.5	1.1	222,721
Công nghệ Thông tin	-0.2	-12.4	-9.5	-18.8	-14.1	-33.4	1.2	-0.1	16.2	2.7	94,741
Tài chính	-1.0	-14.4	-34.0	-13.8	-18.6	-30.5	29.3	-1.2	18.3	1.7	1,119,458
Dược và Y tế	-1.2	-7.7	-21.7	-32.6	-39.5	-58.1	0.1	0.0	13.9	1.8	30,513

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD) 1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,543**	**11.22**	**53.44**	**90.2**	**192.0**
Nước ngoài	**1,533**	**11.22**	**53.50**	**96.8**	**261.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	315	4.90	10.02	2.8	-6.8
Fubon FTSE Vietnam ETF	529	6.32	44.19	67.8	495.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	309	0.00	0.00	-6.7	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	249	0.00	0.97	36.8	-71.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	99	0.00	0.00	-4.7	-110.6
Premia MSCI Vietnam ETF	19	0.00	-1.68	0.5	0.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	3	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.2	13.0
Trong nước	**1,010**	**0.00**	**-0.06**	**-6.6**	**-69.8**
DCVFMVN Diamond ETF	585	0.00	0.00	0.0	-127.7
DCVFMVN30 ETF Fund	283	0.00	0.94	-15.0	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	100	0.00	-1.01	7.4	0.1
MAFN VN30 ETF	26	0.00	0.00	1.0	45.1
SSIAM VNX50 ETF	10	0.00	0.00	0.0	2.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	10.6

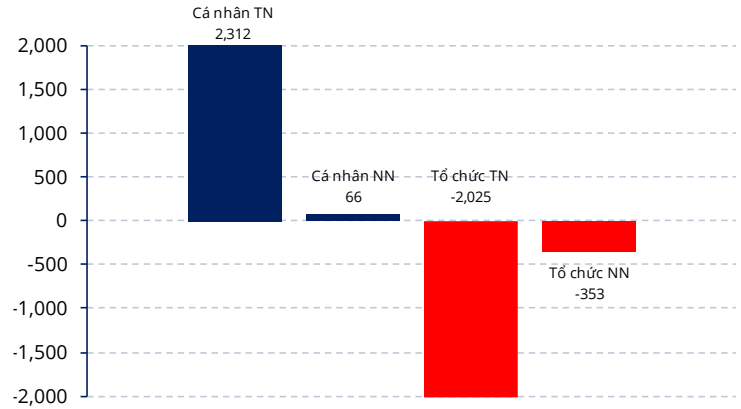
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD) WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	-727	-716	-716	-23,269
Indonesia	-79	149	149	4,985
Nhật Bản	9,597	9,597	9,597	-8,756
Maylaysia	-80	-153	-153	1,441
Philippines	-5	-6	-6	-1,231
Hàn Quốc	627	937	937	-12,580
Sri Lanka	3	4	4	41
Đài Loan	-1,492	-1,521	-1,521	-46,088
Thái Lan	-126	-158	-158	4,359
Việt Nam	107	73	73	21

Chú thích:

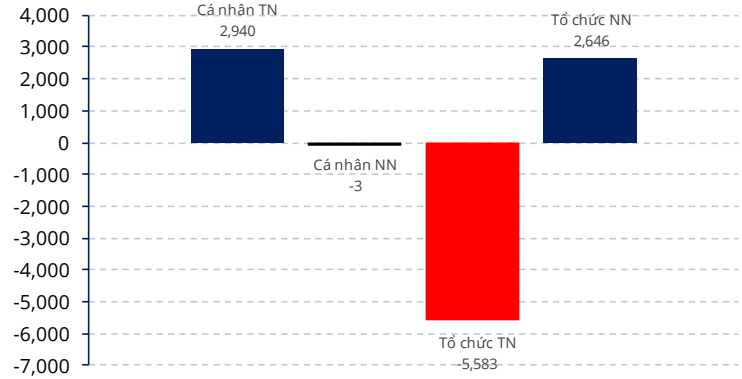
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TCR	Xây dựng và Vật liệu	3.30 - 9.00	3.4	-14.79%
2	LEC	Bất động sản	7.01 - 15.80	9.5	-13.42%
3	TEG	Bất động sản	7.43 - 18.50	8.9	-13.37%
4	TGG	Xây dựng và Vật liệu	2.91 - 35.90	3.1	-13.33%
5	HDC	Sản xuất nông nghiệp	29.20 - 95.12	36.6	-12.98%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
14.87%	78.0	30.20 - 116.67	Bán lẻ	FRT
14.16%	25.0	11.91 - 38.70	Thực phẩm và đồ uống	BAF
14.14%	68.6	30.60 - 75.00	Hóa chất	TNC
14.10%	68.8	47.83 - 91.11	Bán lẻ	DGW
13.61%	68.6	11.55 - 20.00	Xây dựng và Vật liệu	MDG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.10 - 16.00	8.1	-24.30%
2	BII	Bất động sản	2.30 - 19.90	2.4	-17.24%
3	HTC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20.13 - 30.67	21.7	-16.86%
4	LUT	Xây dựng và Vật liệu	2.50 - 11.80	2.5	-16.67%
5	VKC	Ô tô và phụ tùng	2.00 - 17.60	2.1	-16.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.14%	7.4	5.10 - 19.90	Xây dựng và Vật liệu	MST
19.88%	82.0	54.90 - 90.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VNT
17.24%	3.4	2.90 - 9.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	LM7
15.05%	10.7	4.40 - 41.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CMS
14.07%	30.8	18.50 - 43.00	Xây dựng và Vật liệu	SJE

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ILS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.20 - 31.00	12.6	-37.00%
2	SJG	Xây dựng và Vật liệu	12.10 - 43.20	14.1	-30.20%
3	VNX	Truyền thông	38.10 - 73.50	47.0	-27.58%
4	DTI	Du lịch và Giải trí	7.00 - 17.50	7.3	-26.26%
5	VHH	Xây dựng và Vật liệu	3.20 - 18.20	7.0	-24.73%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
73.50%	20.3	8.90 - 28.60	Hàng cá nhân & Gia dụng	BMG
58.33%	17.1	7.80 - 39.60	Xây dựng và Vật liệu	BMN
48.51%	30.0	13.00 - 44.80	Thực phẩm và đồ uống	HAF
47.73%	6.5	4.40 - 10.00	Xây dựng và Vật liệu	L63
41.94%	8.8	5.70 - 18.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	LMH

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Thực phẩm và đồ uống	14,324.8	83.2	9.4	8.49 - 34.90	-7.0
2	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,293.6	82.3	28.7	21.10 - 31.20	-6.8
3	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	9,477.6	81.7	14.7	12.08 - 17.87	0.0
4	STG	Kho Vận Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,108.3	64.4	37.1	25.00 - 38.00	7.2
5	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	46,303.9	58.7	11.8	9.63 - 22.35	4.3
6	DGW	Thế Giới Số	Bán lẻ	89,450.6	49.6	68.8	47.83 - 91.11	22.0
7	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	71,926.8	48.0	20.6	18.30 - 44.00	-7.8
8	HPX	Đầu tư Hải Phát	Bất động sản	11,506.0	47.3	25.7	24.20 - 40.50	0.8
9	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	151,894.4	33.2	14.2	11.50 - 42.75	19.9
10	HAX	Ô tô Hàng Xanh	Ô tô và phụ tùng	33,687.6	30.8	22.6	14.09 - 35.04	9.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tỷ giá

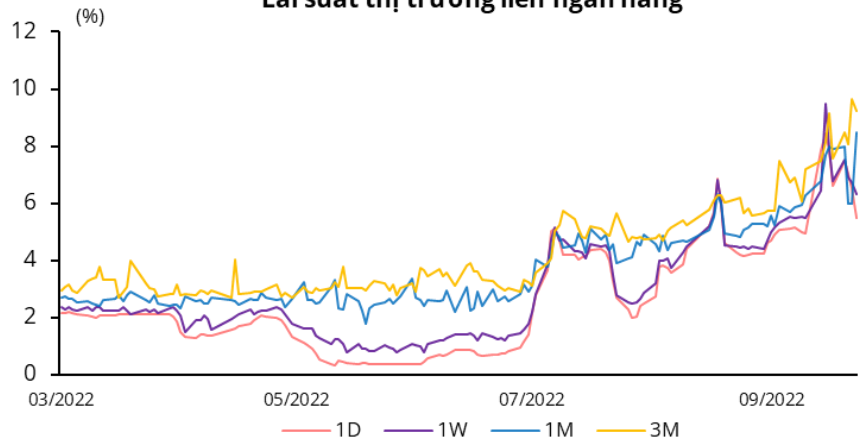
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	113.31	0.46	3.33	4.39	18.44	
VND/USD	24,115	0.98	2.22	3.06	5.65	
KRW/USD	1,428.95	1.14	2.72	8.91	20.19	
JPY/USD	148.67	2.35	3.91	6.99	29.19	
EUR/USD	1.03	0.23	2.66	3.07	16.98	
SGD/USD	1.43	-0.43	1.41	1.57	5.71	
CNY/USD	7.19	1.08	3.31	6.46	13.16	

Hàng hóa

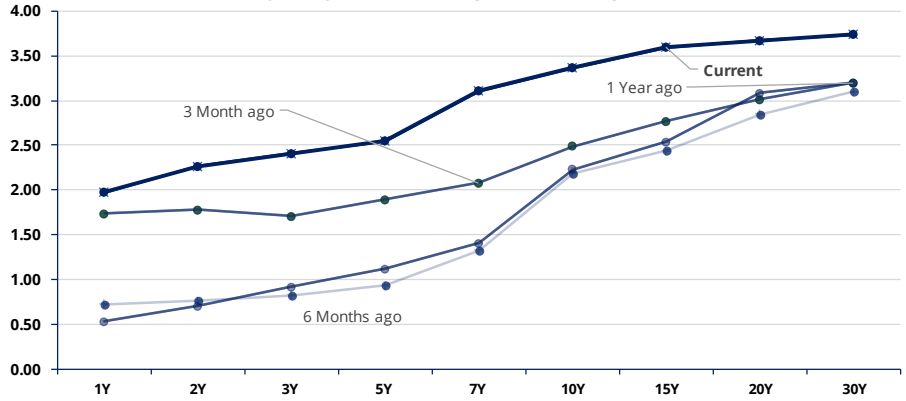
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	85.61	-7.59	-3.24	-10.62	13.83	
Xăng	263.09	-3.79	4.21	-17.44	18.06	
Gas	6.45	-4.37	-29.20	-2.23	73.00	
Than	392.50	1.74	-11.64	-5.73	131.43	
Vàng	1,644.47	-2.97	-3.11	-3.83	-10.10	
Bạc	18.28	-9.21	-6.88	-0.80	-21.59	
Platinum	903.06	-1.50	-0.77	6.69	-6.78	
Quặng sắt	95.93	0.32	-4.48	-9.51	-14.73	
Thép cán	3,952.00	-1.94	-1.72	-8.79	-16.78	
Lúa mì	859.75	-2.33	0.70	8.25	11.55	
Ngô	689.75	0.95	-2.72	-0.76	16.27	
Gỗ	494.00	10.86	-3.33	-22.81	-56.96	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.